

Số: TVHN-229 /DBQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

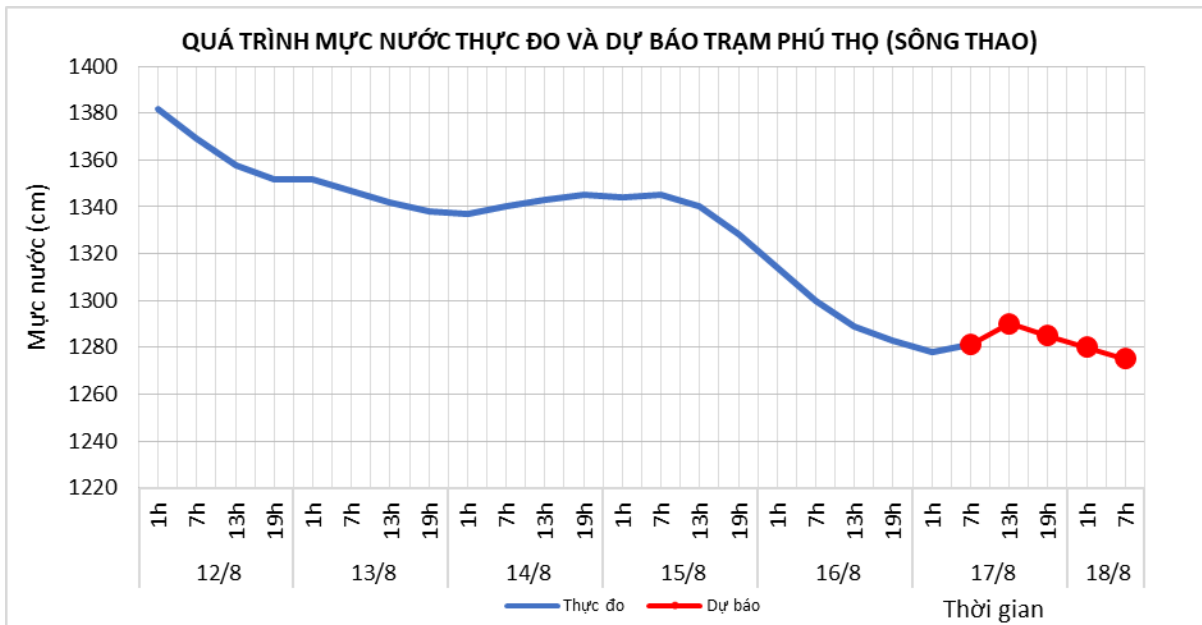
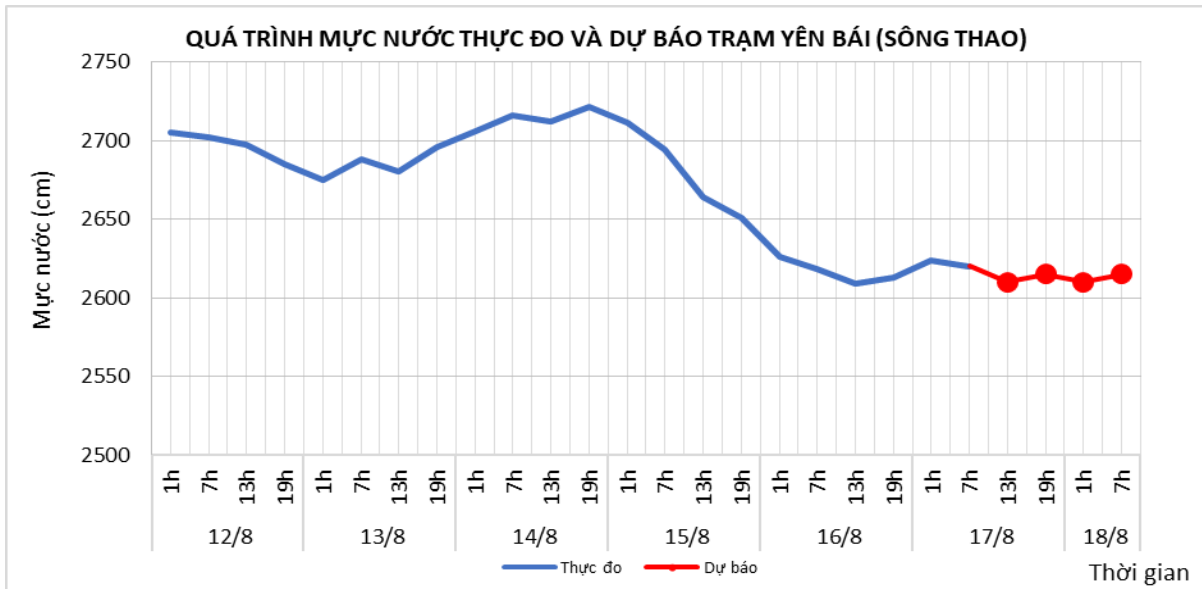
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



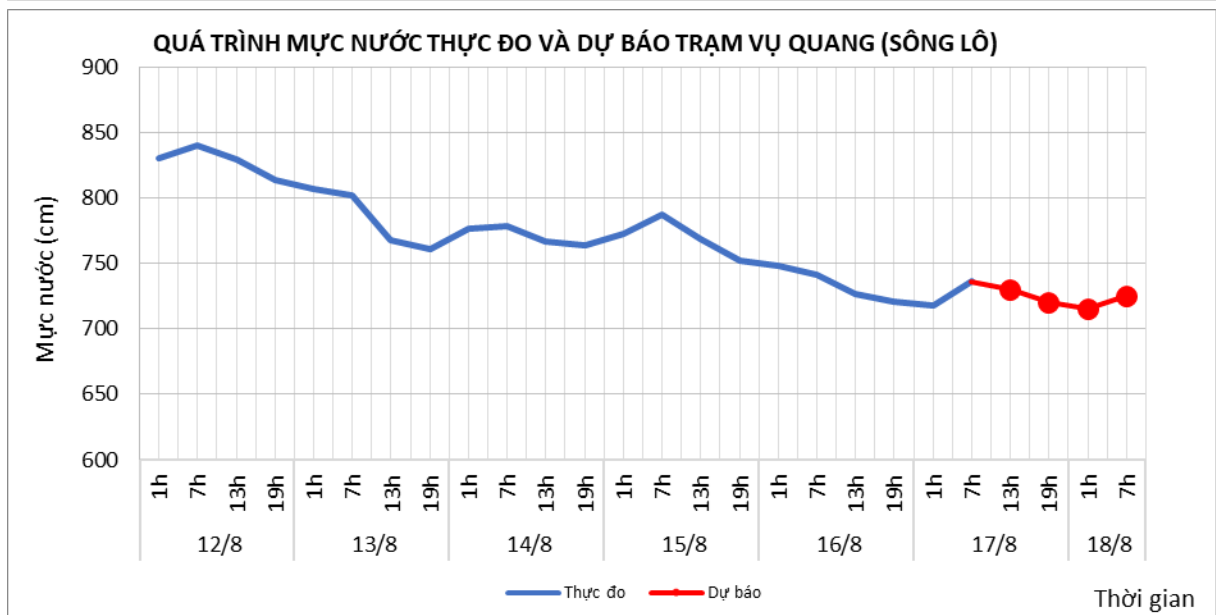
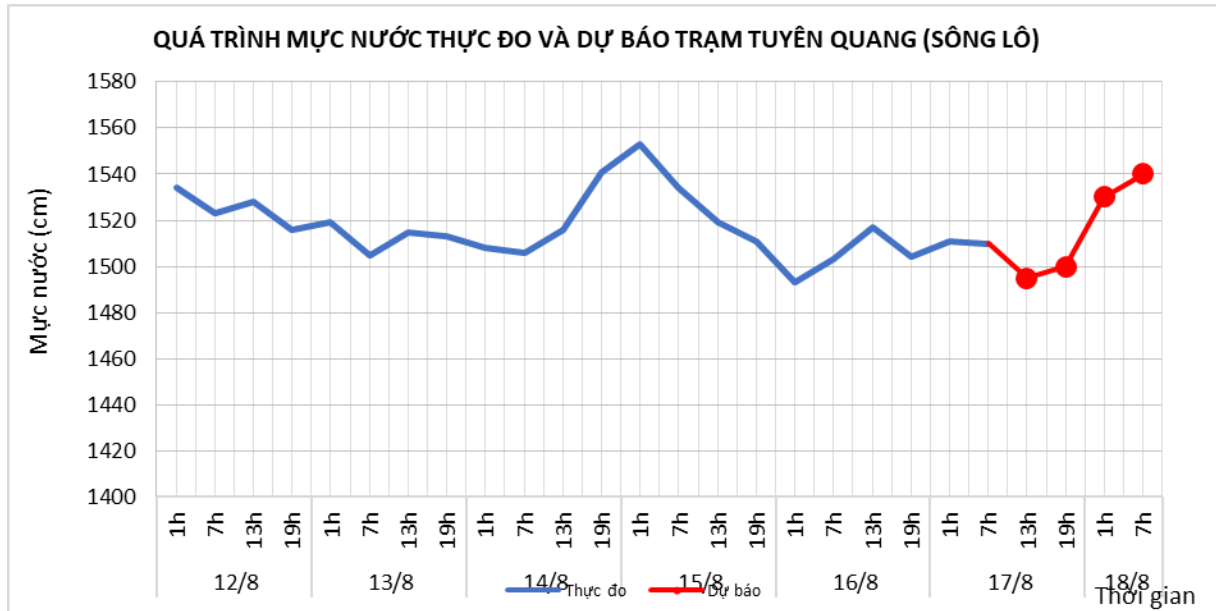
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Hạ lưu sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng chủ yếu của điều tiết thủy điện tuyến trên.



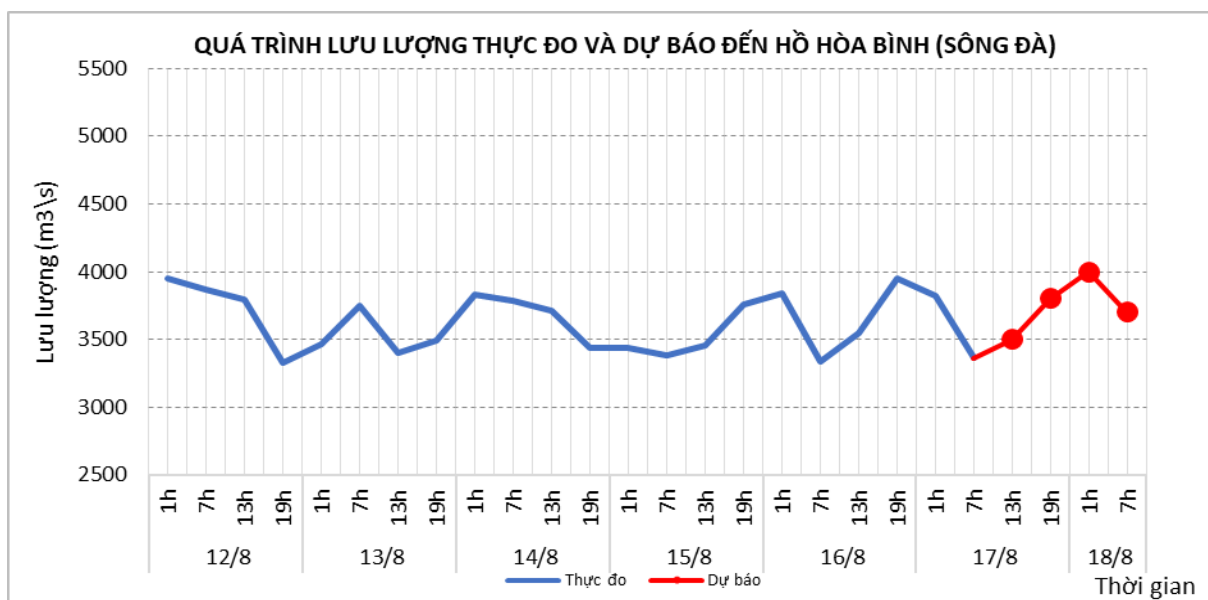
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



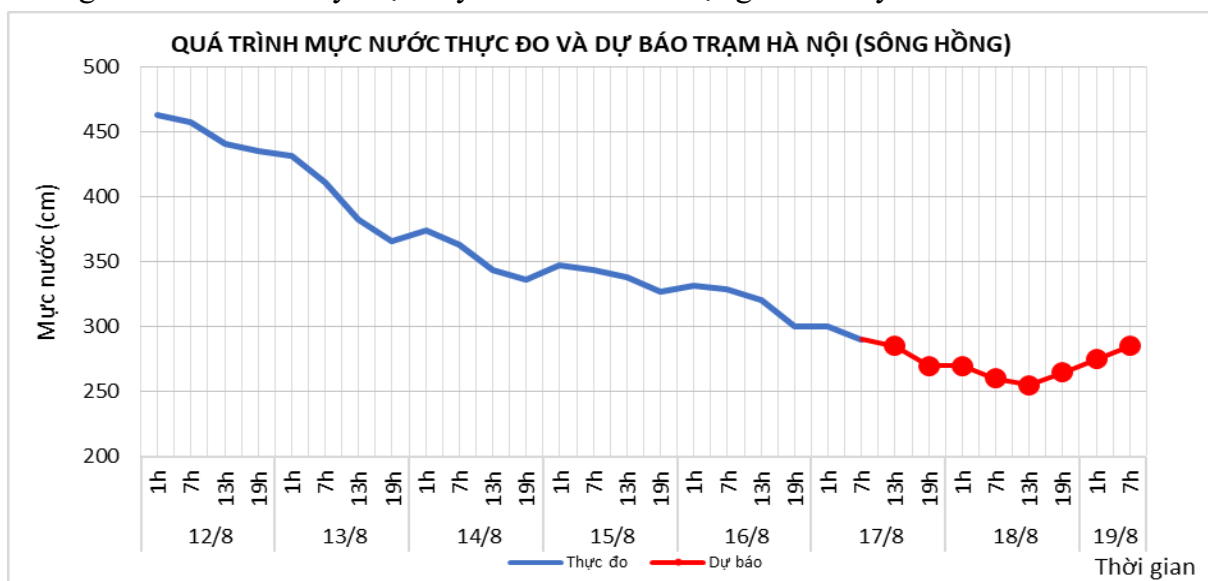
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng đang biến đổi chậm với xu thế xuống, mức nước tại trạm thủy văn Hà Nội lúc 7h ngày 17/08 là 2,90m.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm; chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và dao động theo thủy triều.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

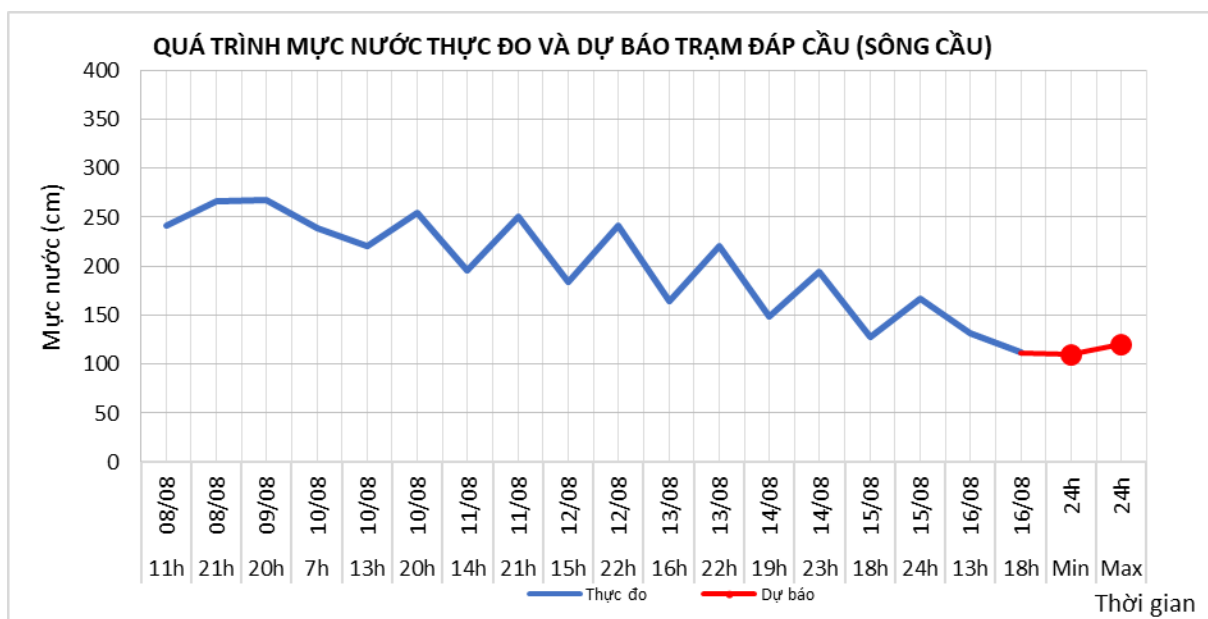
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.



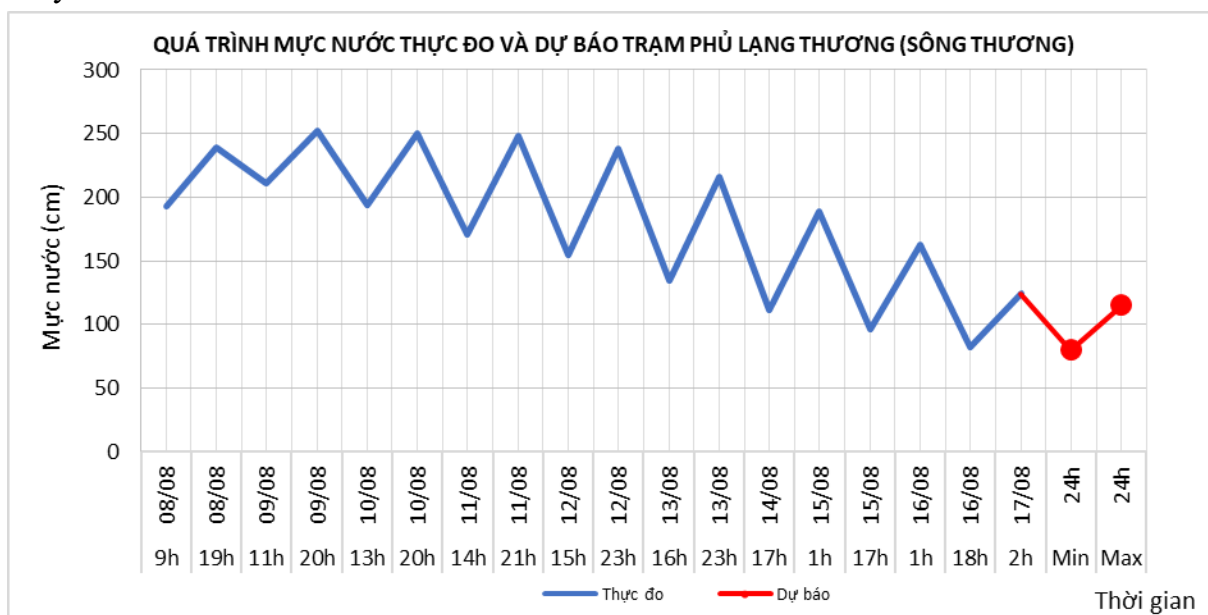
## 2.2. Sông Thương

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo ảnh hưởng thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động theo ảnh hưởng thủy triều.



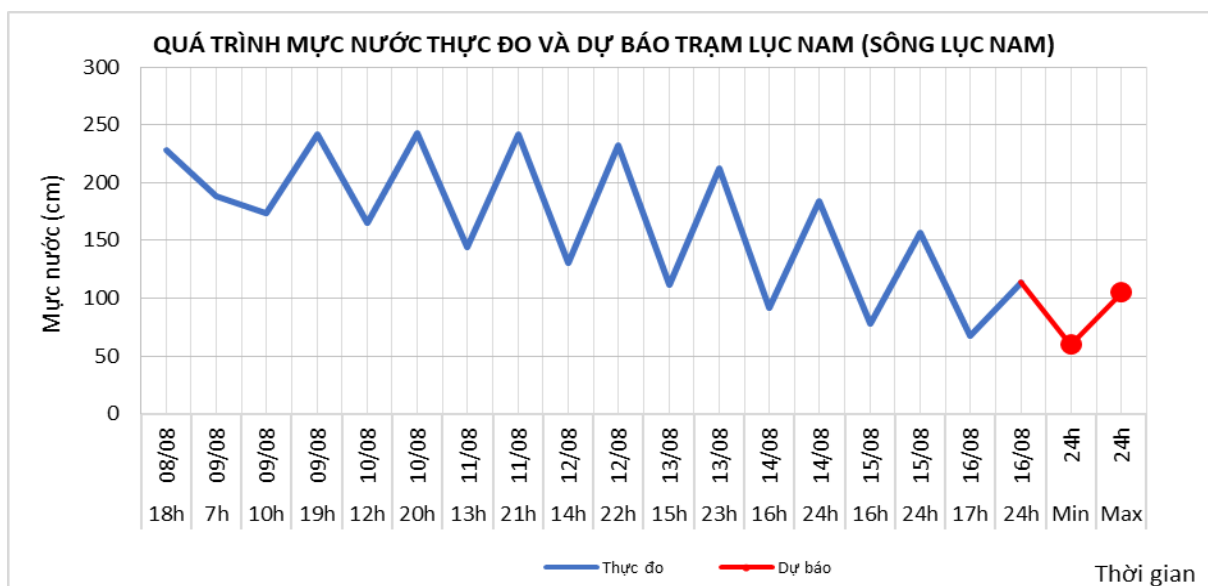
## 2.3. Sông Lục Nam

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.



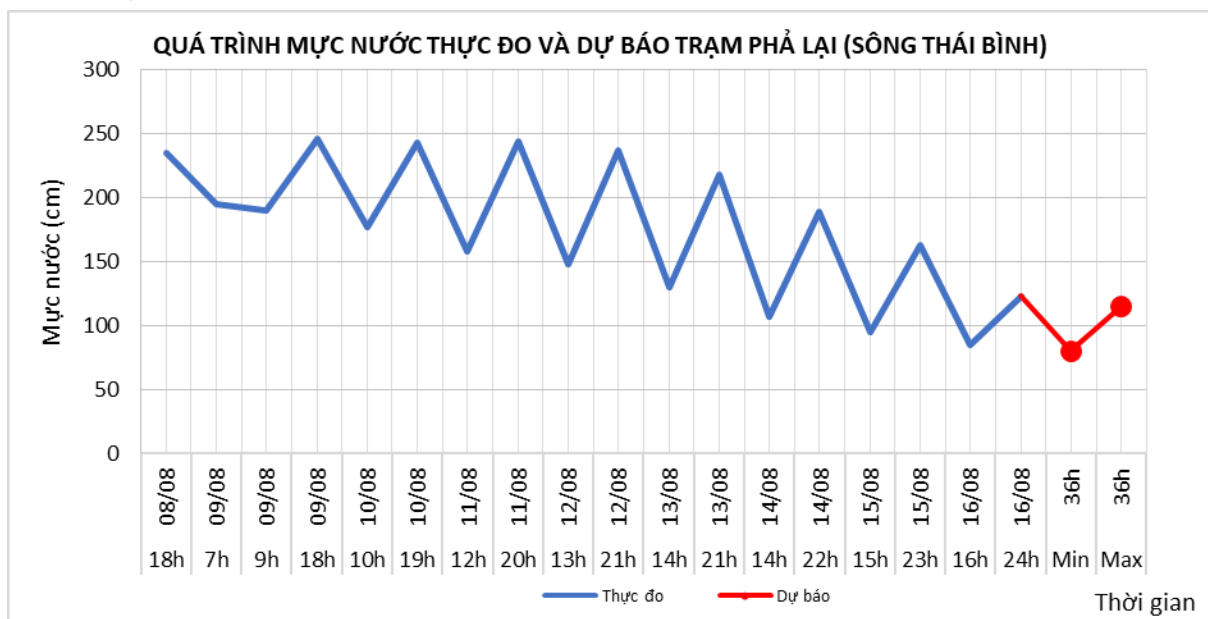
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục dao động theo ảnh hưởng của thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,15m; thấp nhất là 0,80m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

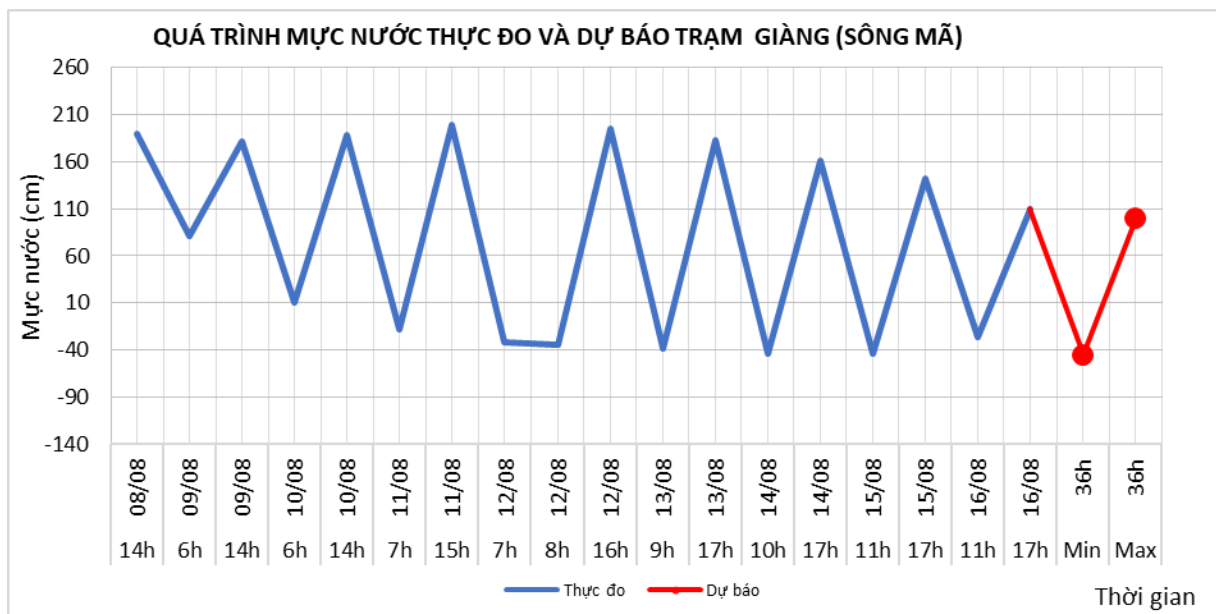
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo triều.



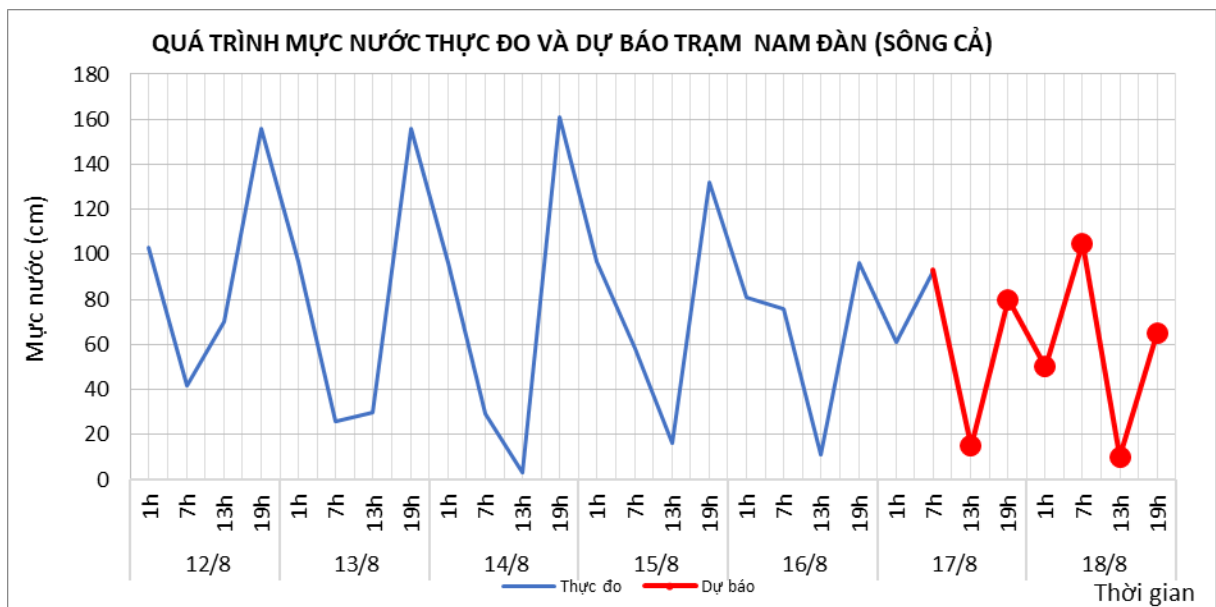
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu có dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu có dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.



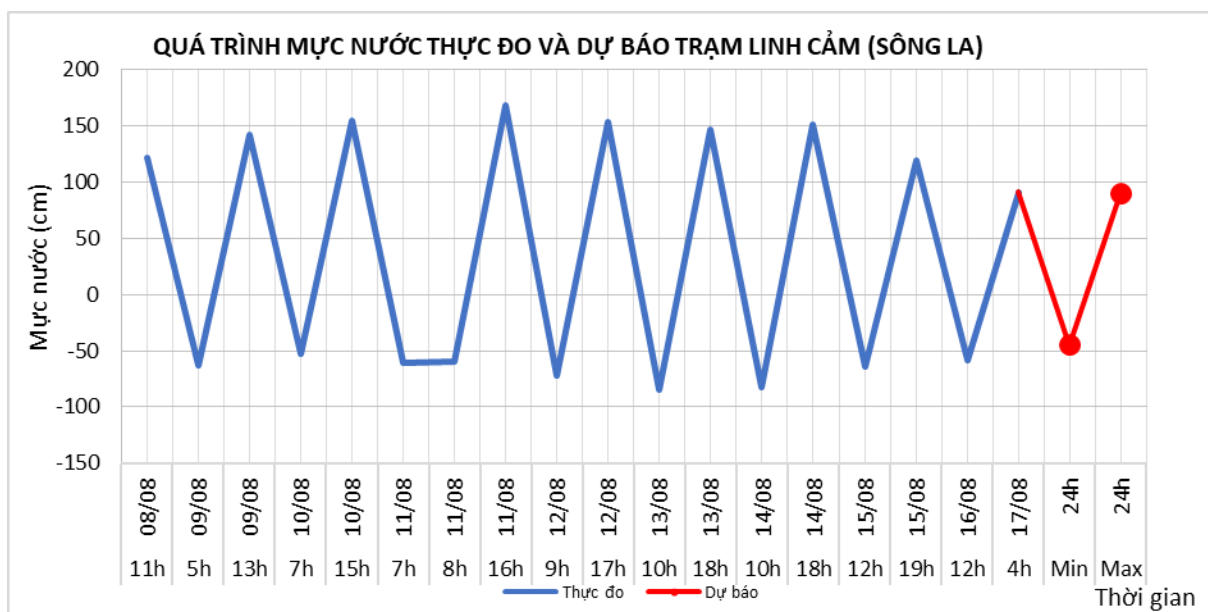
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.



*Cảnh báo: Từ ngày 17-21/8, trên các sông trong khu vực có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông nhỏ, thượng lưu các sông có khả năng lên mức BD1-BD2; hạ lưu còn ở dưới mức BD1.*

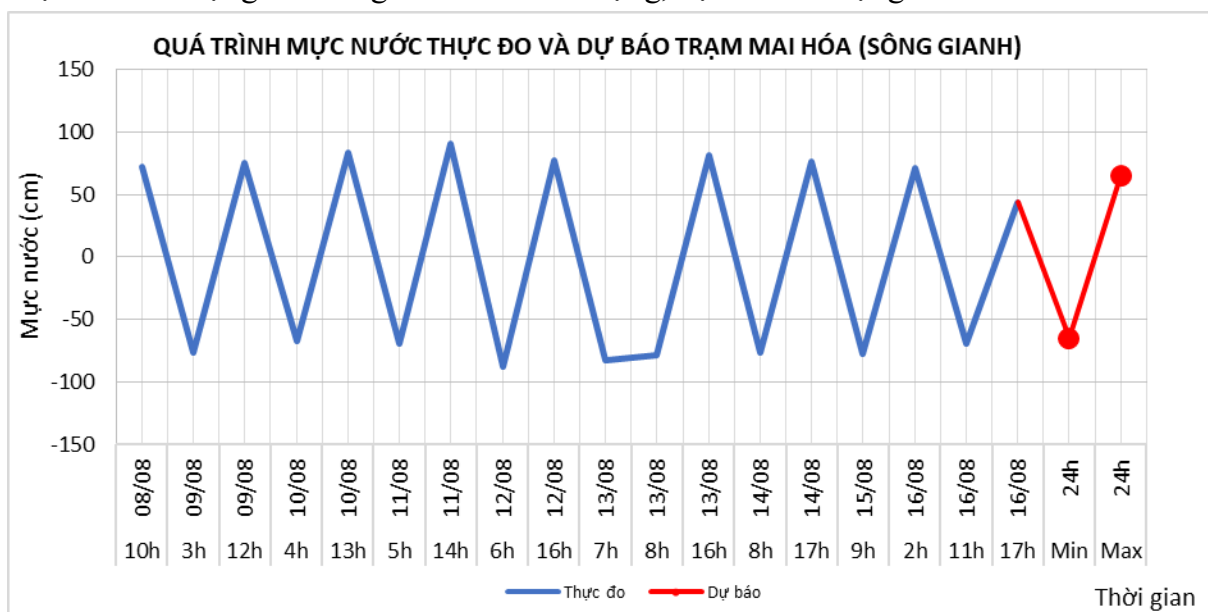
### 3.4. Sông Gianh

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước thượng lưu sông Gianh có dao động, hạ lưu dao động theo triều.



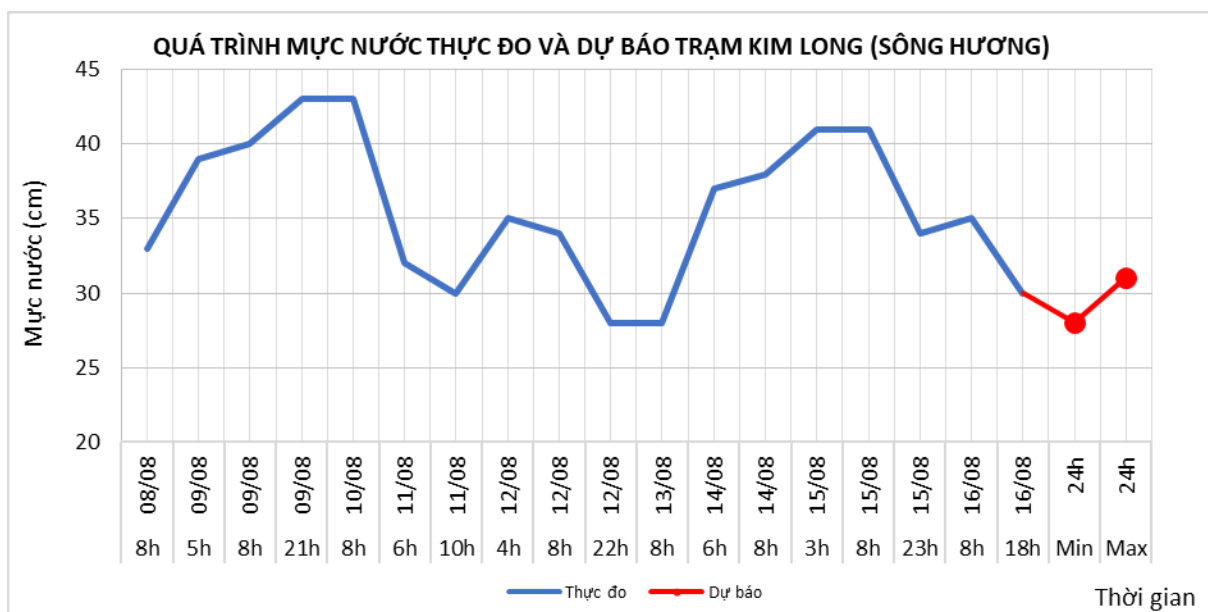
### 3.5. Sông Hương

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước trên sông Hương đang biến đổi chậm.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên sông Hương tiếp tục biến đổi chậm.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

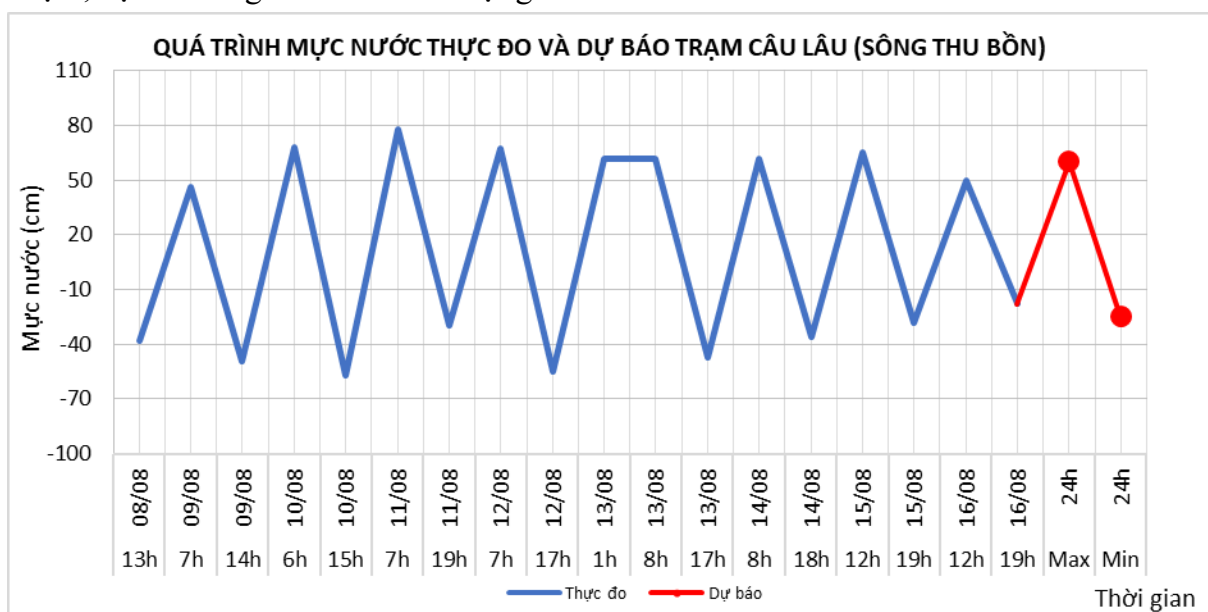
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



##### 4.2. Sông Trà Khúc

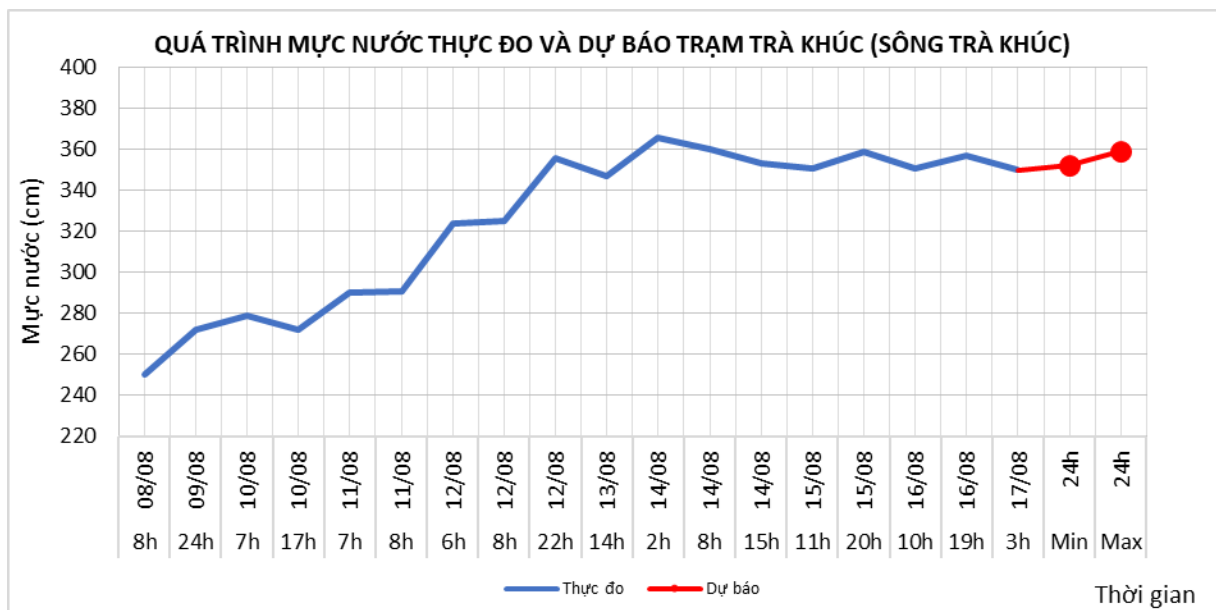
*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước sông Trà Khúc đang biến đổi chậm

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước sông Trà Khúc tiếp tục biến đổi chậm.





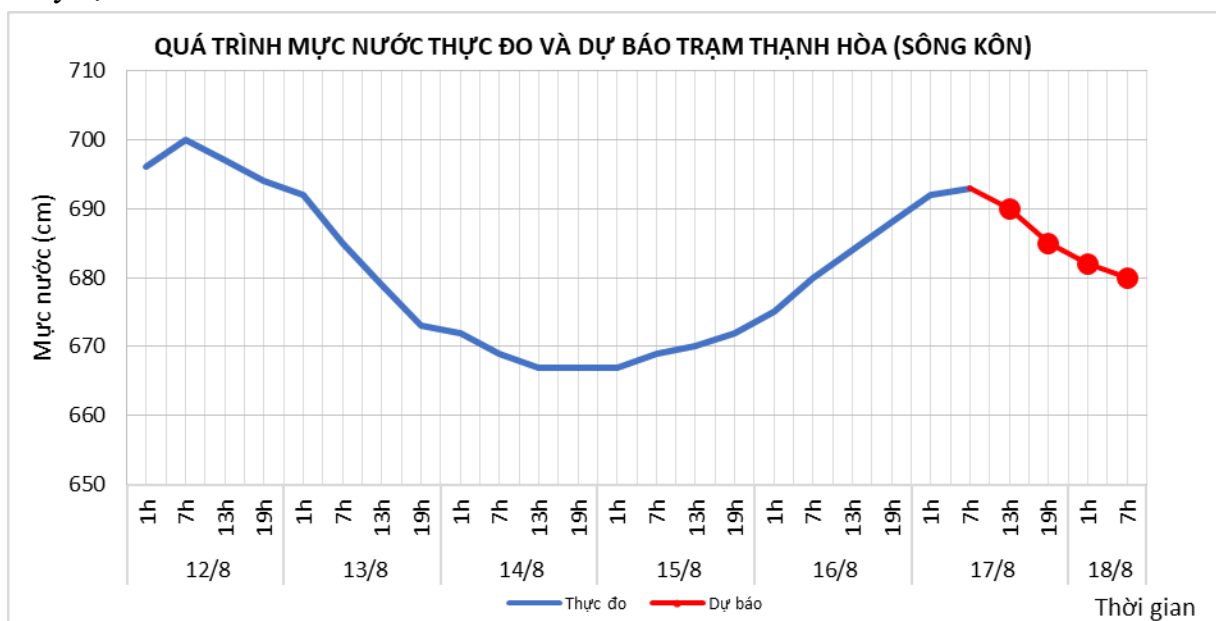
### 4.3. Sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thanh Hòa đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.



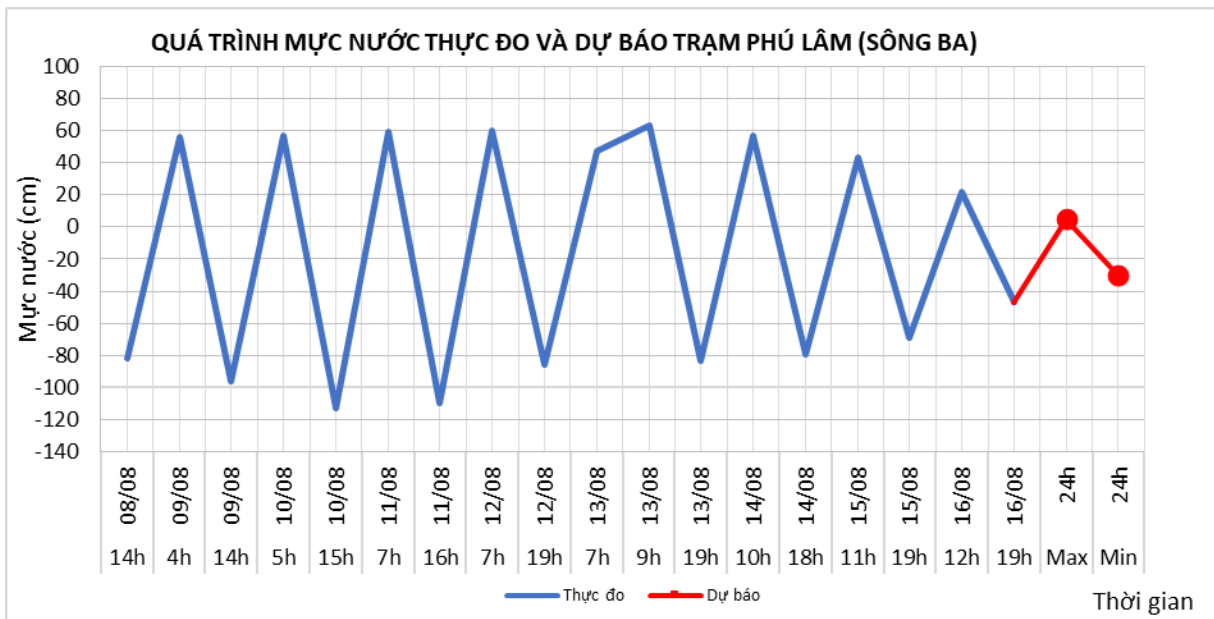
### 4.4. Sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

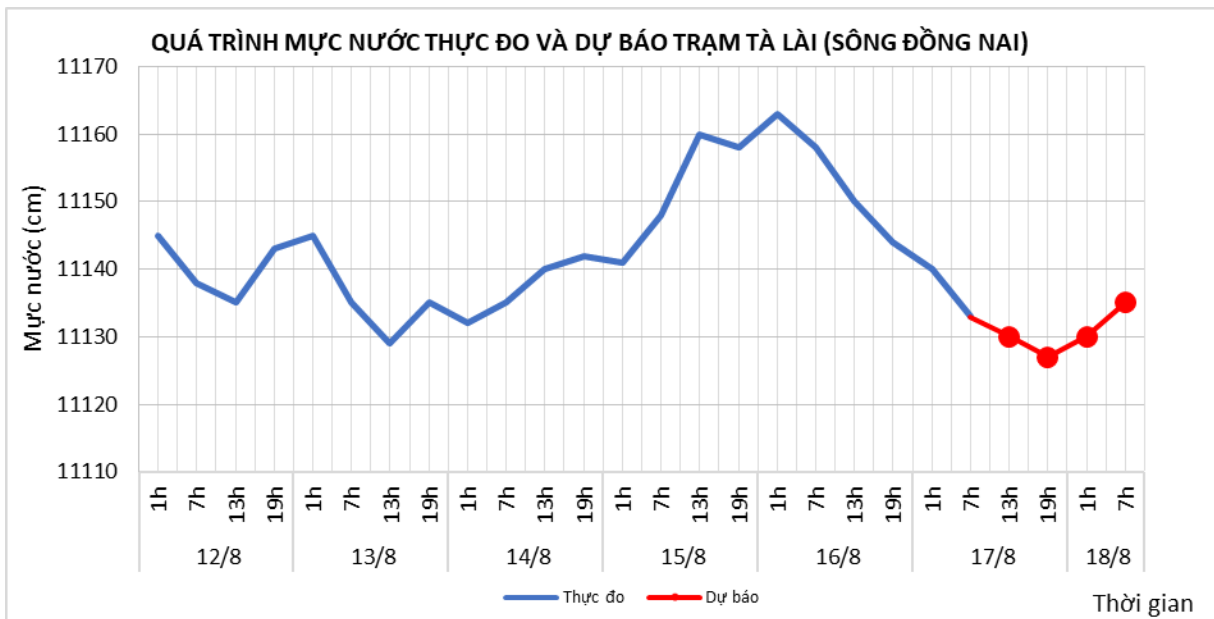
### 5.1. Sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài tiếp tục biến đổi chậm.



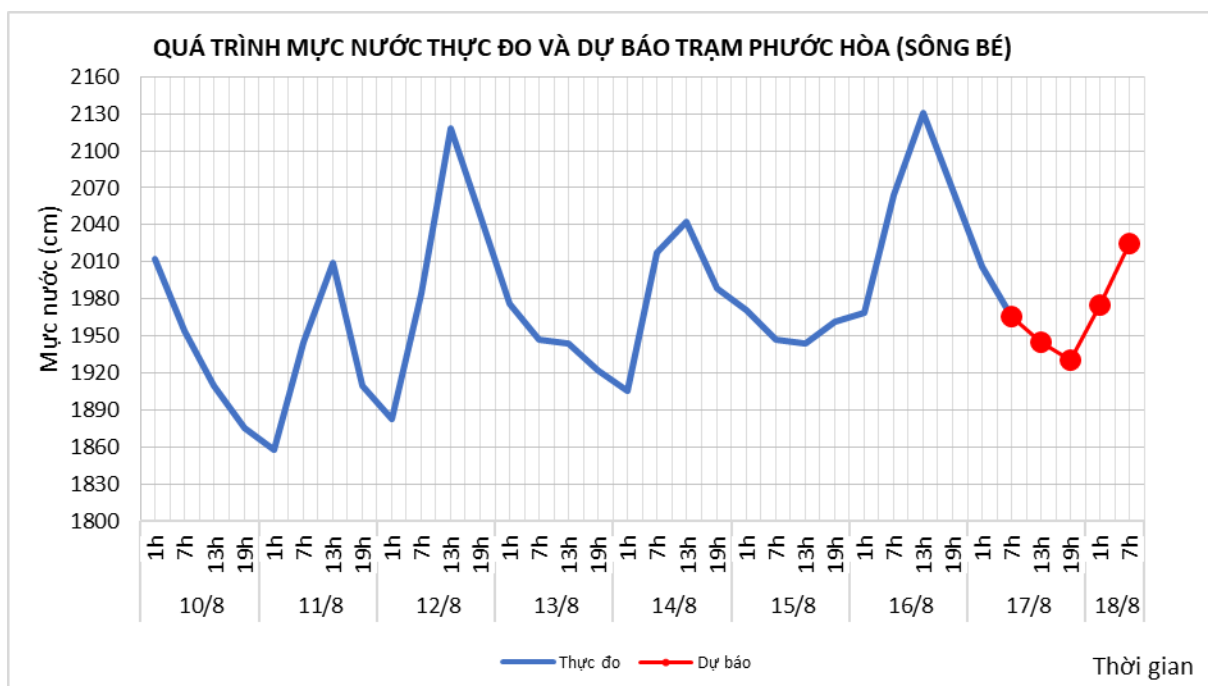
### 5.2. Sông Bé

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của hồ thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của hồ thủy điện tuyến trên.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

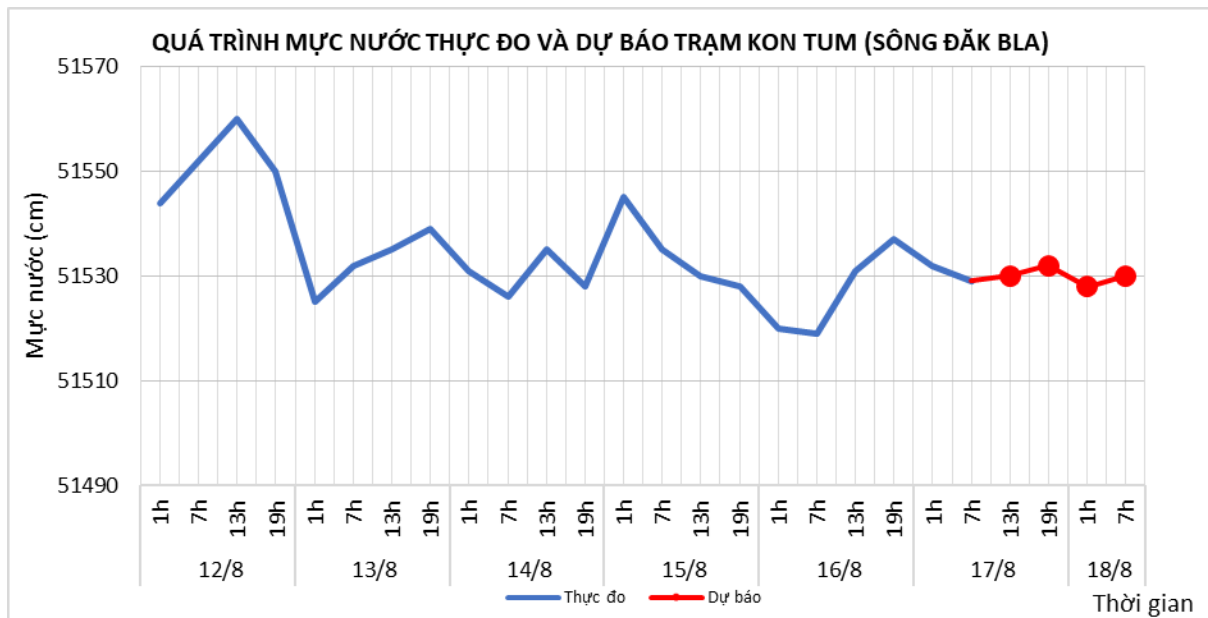
### 6.1. Sông Đắk Bla

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của các hồ chứa thủy điện.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên các sông tiếp tục dao động theo điều tiết của các hồ chứa thủy điện.



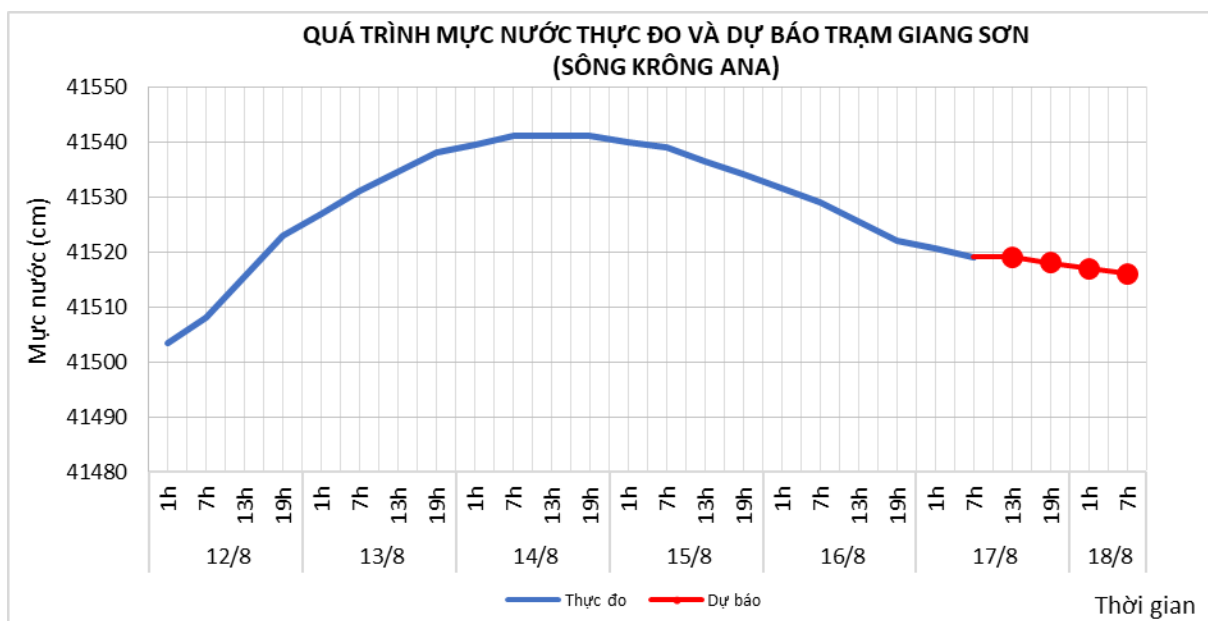
### 6.2. Sông Krông Ana

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



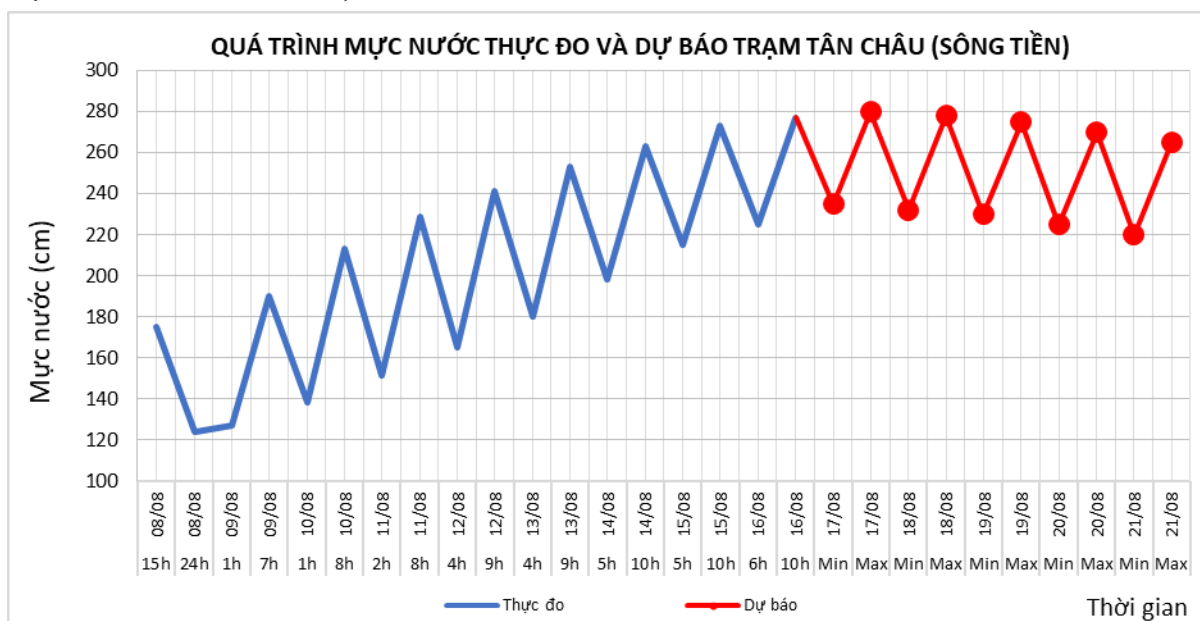
### 6.3. Sông Cửu Long

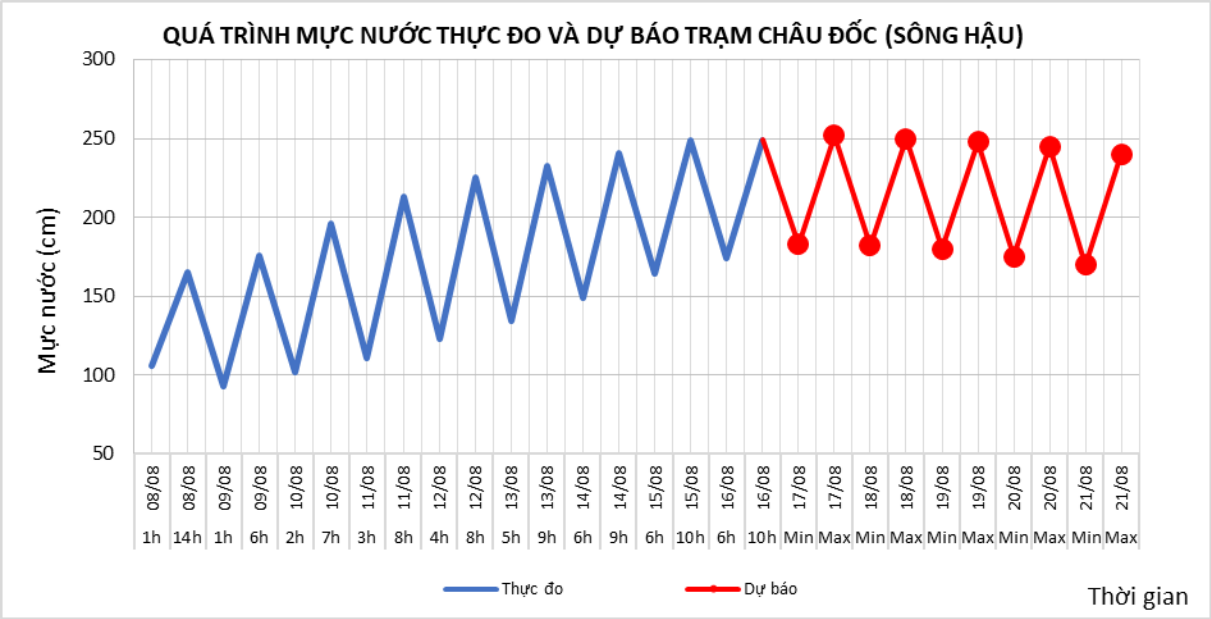
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long đang lên. Mức nước cao nhất ngày 16/8 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,77m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,49m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, sau xuống. Đến ngày 21/8, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,65m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,4m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-16/08             | 19h-16/08 | 1h-17/08 | 7h-17/08 | 13h-17/08            |   | 19h-17/08 |   | 1h-18/08 |   | 7h-18/08 |   | 13h-18/08 |   | 19h-18/08 |   | 1h-19/08 |   | 7h-19/08 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 3549                  | 3948      | 3821     | 3362     | 3500                 | 📈 | 3800      | 📈 | 4000     | 📈 | 3700     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2609                  | 2613      | 2624     | 2620     | 2610                 | 📉 | 2615      | 📈 | 2610     | 📉 | 2615     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1289                  | 1283      | 1278     | 1281     | 1290                 | 📈 | 1285      | 📉 | 1280     | 📉 | 1275     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1517                  | 1504      | 1511     | 1510     | 1495                 | 📉 | 1500      | 📈 | 1530     | 📈 | 1540     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 727                   | 721       | 718      | 736      | 730                  | 📉 | 720       | 📉 | 715      | 📉 | 725      | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 320                   | 300       | 300      | 290      | 285                  | 📉 | 270       | 📉 | 270      | 👉 | 260      | 📉 | 255       | 📉 | 265       | 📈 | 275      | 📈 | 285      | 📈 |
| Cả        | Nam Đàn         | 11                    | 96        | 61       | 93       | 15                   | 📉 | 80        | 📈 | 50       | 📉 | 105      | 📈 | 10        | 📉 | 65        | 📈 |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 684                   | 688       | 692      | 693      | 690                  | 📉 | 685       | 📉 | 682      | 📉 | 680      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11150                 | 11144     | 11140    | 11133    | 11130                | 📉 | 11127     | 📉 | 11130    | 📈 | 11135    | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2131                  | 2068      | 2006     | 1966     | 1945                 | 📉 | 1930      | 📉 | 1975     | 📈 | 2025     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51531                 | 51537     | 51532    | 51529    | 51530                | 📈 | 51532     | 📈 | 51528    | 📉 | 51530    | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41525                 | 41522     | 41520    | 41519    | 41519                | 👉 | 41518     | 📉 | 41517    | 📉 | 41516    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 132                         | ↓ | 112                | ↓ | 120                        | ↓ | 110                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 124                         | ↓ | 82                 | ↑ | 115                        | ↓ | 80                 | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 114                         | ↓ | 67                 | ↑ | 105                        | ↓ | 60                 | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 163                         | ↓ | 85                 | ↓ | 115                        | ↓ | 80                 | ↓ |
| Mã        | Giàng (**)      | 129                         | ↓ | -27                | ↑ | 115                        | ↓ | -30                | ↓ |
| La        | Lĩnh Cảm        | 91                          | ↓ | -59                | ↑ | 90                         | ↓ | -45                | ↑ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 44                          | ↓ | -69                | ↑ | 65                         | ↑ | -65                | ↑ |
| Hương     | Kim Long        | 35                          | ↓ | 30                 | ↓ | 31                         | ↓ | 28                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 50                          | ↓ | -18                | ↑ | 60                         | ↑ | -25                | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 357                         | ↓ | 351                | → | 359                        | ↑ | 352                | ↑ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 22                          | ↓ | -47                | ↑ | 5                          | ↓ | -30                | ↑ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 16/08  |   | 17/08 |   | 18/08 |   | 19/08 |   | 20/08 |   |                    |   | 21/08  |   | 16/08 |   | 17/08 |   | 18/08 |   | 19/08 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 277                    | 📈 | 280    | 📈 | 278   | 📉 | 275   | 📉 | 270   | 📉 | 265   | 📉 | 225                | 📉 | 235    | 📈 | 232   | 📉 | 230   | 📉 | 225   | 📉 | 220   | 📉 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 249                    | 📊 | 252    | 📈 | 250   | 📉 | 248   | 📉 | 245   | 📉 | 240   | 📉 | 174                | 📈 | 183    | 📈 | 182   | 📉 | 180   | 📉 | 175   | 📉 | 170   | 📉 |

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 18/08**

**Tin phát lúc: 10h30’**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Phùng Tiến Dũng**